

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LÂM HÀ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 81/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 23/10/2019.

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM HÀ, TỈNH LÂM ĐỒNG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thanh Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Bùi Duy Hiếu**.

2. Bà **Khuất Thị Minh Hiền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Cương** – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Vân Anh** – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lâm Hà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 3 năm 2019 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2019/QĐST-HNGĐ ngày 07/10/2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị T**, sinh năm: 1995.

Địa chỉ: TDP H, TT. Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu Q**, sinh năm: 1992.

Địa chỉ: Thôn Y, xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng.

(Chị T có mặt, anh Q vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị T xây dựng gia đình với anh Nguyễn Hữu Q vào năm 2015, trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/01/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng chỉ hòa thuận hạnh phúc được một thời gian ngắn, sau đó phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Q nghiện chơi game, không quan tâm chăm lo cho gia đình thêm vào đó anh Q thường xuyên xảy ra xô xát bên ngoài xã hội, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ đầu năm đến nay. Nay chị T xác định không thể chung sống với anh Q được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hữu Q để yên tâm làm ăn lo cho con.

Về con chung: Chị T xác định có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung. Yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đồng/tháng.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra chị không còn yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Nguyễn Hữu Q trình bày: Anh Q xây dựng gia đình với chị T vào năm 2015, trên cơ sở tình cảm tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đa Dờn, huyện Lâm Hà, tỉnh Lâm Đồng ngày 09/01/2015.

Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không thống nhất với nhau trong vấn đề tạo dựng địa điểm phát triển kinh tế gia đình, bên cạnh đó chị T thường xuyên bỏ về nhà ngoại. Vợ chồng đã sống ly thân nhau được một thời gian, hiện nay chị T đang sinh sống tại Lâm Hà, còn anh Q đi làm tại tỉnh Nghệ An. Nay chị T yêu cầu ly hôn thì anh không đồng ý, vì là người công giáo, không được phép ly hôn và anh Q vẫn còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Anh Q xác định có 01 con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015. Nếu phải ly hôn, anh Q yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh Q xác định có 01 căn nhà xây diện tích ngang 5m, chiều dài khoảng 16 m, xây trên diện tích đất bố mẹ chị T là ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, tọa lạc tại TDP H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Khi ly hôn, anh Q xác định tự thỏa thuận, tuy nhiên anh Q đề nghị Tòa án gia hạn cho anh thời hạn 7 ngày kể từ ngày 19/4/2019 để anh Q tự thỏa thuận vấn đề tài sản chung với chị T, nếu không thỏa thuận được, anh Q sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng anh Q xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Ngoài ra, anh Q không còn yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Hà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng cũng như phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án theo hướng đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị T. Về con chung, giao con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015 cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục con chung và anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về nợ chung, các đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận của đương sự cũng như ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Hữu Q vắng mặt lần thứ hai mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nên căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn xét xử vắng mặt anh Q theo thủ tục chung là phù hợp.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu Q đăng ký kết hôn 2015 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Lâm Hà nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Q còn anh Q vắng mặt, trong bản tự khai anh Q không đồng ý ly hôn vì cho rằng vợ chồng có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức trầm trọng, anh vẫn còn tình cảm với chị T hơn nữa anh là người công giáo nên không được ly hôn. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án nhiều lần Tòa án triệu tập anh Q, chị T đến Tòa án làm việc và hòa giải để hàn gắn quan hệ vợ chồng nhưng anh Q đều vắng mặt, chứng tỏ anh Q cũng không có thiện chí để hàn gắn quan hệ tình cảm vợ chồng, còn chị T xác định do anh Q ham chơi, không chăm lo cho gia đình và phát triển kinh tế. Hơn nữa, anh Q còn thường xuyên có những lời lẽ xúc phạm và đánh đập chị T nên mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng kéo dài, không còn khả năng cải thiện. Từ đầu năm 2019 đến nay vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian sống ly thân thì anh Q, chị T không có giải pháp nào để hàn

gắn tình cảm vợ chồng mà mạnh ai nấy sống, không có sự quan tâm đến nhau. Vì vậy, nếu kéo dài tình trạng hôn nhân như hiện nay cũng không mang lại hạnh phúc cho các bên đương sự, nên căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T, xử cho chị T và anh Q được ly hôn là hoàn toàn phù hợp.

[3] *Về con chung*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu Q xác định có một con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015. Khi ly hôn, chị T và anh Q đều có nguyện vọng được nuôi con. Xét thấy, đây là nguyện vọng chính đáng của các đương sự, tuy nhiên khi xem xét giao nuôi con phải đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con. Qua xem xét thì thấy rằng, cháu Nguyễn Phạm Bảo T hiện nay còn nhỏ và lại là cháu gái nên rất cần sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ, chị T hiện nay đang làm nghề may, công việc và thu nhập ổn định nên việc nuôi con sẽ đảm bảo, kể từ khi hai vợ chồng sống ly thân thì con chung vẫn ở cùng chị T, cháu khỏe mạnh và phát triển tốt. Còn anh Q hiện không sinh sống ở địa phương và anh Q không cung cấp chứng cứ chứng minh điều kiện nuôi con cho Tòa án. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của các con khi bố mẹ ly hôn cần căn cứ Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao con chung là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015 cho chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Nếu sau này anh Q ổn định cuộc sống và có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sẽ được xem xét sau.

Đối với cấp dưỡng nuôi con, theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình thì khi ly hôn, cha mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do giao con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng nên cần buộc anh Q phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là hợp lý. Quá trình Tòa án giải quyết thì chị T yêu cầu anh Q phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con là với số tiền là 1.000.000đồng/tháng, tuy nhiên tại phiên tòa, chị T xác định do hiện nay không biết cụ thể anh Q đang ở đâu nên chị không yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của đương sự và cũng phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị T cho rằng giữa chị với anh Q không có tài sản chung, tại phiên tòa chị xác định căn nhà hiện nay chị và con đang ở tại TDP H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà thì đất là do bố mẹ chị cho mượn, còn nhà là do bố mẹ chồng cho tiền xây nhà, khi ly hôn chị không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản trên. Còn anh Nguyễn Hữu Q trình bày tài sản chung của vợ chồng có 01 căn nhà xây diện tích ngang 5m, chiều dài khoảng 16m,

xây trên diện tích đất bố mẹ chị T là ông Phạm Văn H, bà Nguyễn Thị Đ, tọa lạc tại TDP H, thị trấn Đ, huyện Lâm Hà. Khi ly hôn, anh Q xác định tự thỏa thuận, tuy nhiên anh Q đề nghị Tòa án gia hạn cho anh thời hạn 07 ngày kể từ ngày 19/4/2019 để anh Q tự thỏa thuận vấn đề tài sản chung với chị T, nếu không thỏa thuận được anh Q sẽ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung. Nhưng sau đó Tòa án đã ban hành thông báo bổ sung tài liệu, chứng cứ và tiến hành triệu tập họp lệ anh Q đến Tòa án làm việc nhưng anh Q đều vắng mặt. Nên không có cơ sở để xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này mà cần tách ra nếu sau này anh Q có yêu cầu thì có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về nợ chung*: Chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu Q cùng xác định không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí*: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Phạm Thị T, xử cho chị Phạm Thị T và anh Nguyễn Hữu Q được ly hôn.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Phạm Bảo T, sinh ngày 21/11/2015 cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Nguyễn Hữu Q không phải cấp dưỡng nuôi con.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; thay đổi mức cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Phạm Thị T đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001065 ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lâm Hà, chị T đã nộp đủ án phí.

Báo cho chị Phạm Thị T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 23/10/2019). Riêng anh Nguyễn Hữu Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (02);
- VKSND huyện Lâm Hà;
- Chi cục THADS huyện Lâm Hà;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ, BP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ